

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2021

V/v **“Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân.

2. Ông Hồ Phi Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **349/2021/TLST-HNGĐ** ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **137/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày 05 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: **144/ QĐHPTST- HNGĐ** ngày 20 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

*** Bị đơn: Ông Bạch Thái S**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:**

Bà và ông Bạch Thái S tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2010 khi bà đi làm công ty ông S thường kiếm chuyện và nghi ngờ ghen tuông, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Kéo dài đến tháng 4/2021 bà dọn ra ngoài sống riêng vợ chồng ly thân từ thời gian đó, cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung; cháu Bạch Duy L, sinh ngày 21/3/2003, cháu Bạch Ngọc Y N, sinh ngày 04/11/2006, cháu L đã trưởng thành, cháu N hiện được ông S nuôi dưỡng bà đồng ý để cháu cho ông S nuôi dưỡng và bà cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Đối với ông Bạch Thái S trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S đã

được Tòa án triệu tập họp lệ Nều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy Nền, tại bản tường trình ngày 19/6/2021 của cháu Bạch Duy L con ông S, bà Y khai mâu thuẫn trong cha mẹ thường xuyên xảy ra, hiện mẹ đã ra ngoài sống riêng đúng như lời khai bà Y đã khai, cha anh có biết việc mẹ đưa đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng cha không đồng ý đến Tòa làm việc. Hiện cha mẹ không còn sống chung từ tháng 04 năm 2021 cho đến nay.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Xuân 2, xã Xuân phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông S, xác định bà Y là nguyên đơn, ông S là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Y và ông S chung sống từ năm 2002 có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà Y cho rằng cuộc sống chung trong vợ chồng không hạnh phúc, ông S hay nghi ngờ ghen tuông, say xỉn về nói những lời khó nghe xúc phạm bà. Kéo dài đến tháng 4/2021 vợ chồng ly thân. Nay bà Y có yêu cầu ly hôn ông S biết nhưng không có thiện chí để hòa giải. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông S Nều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, điều đó cho thấy ông S không có thiện chí đoàn tụ. Qua lời khai của cháu Bạch Như L đã cho thấy tình trạng hôn nhân của ông S, bà Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung; cháu Bạch Duy L, sinh ngày 21/3/2003, cháu Bạch Ngọc Y N, sinh ngày 04/11/2006, cháu L đã trưởng thành, cháu N hiện được ông S nuôi dưỡng bà đồng ý để cháu cho ông S nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và bà cấp dưỡng nuôi cháu hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Y trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, ông S vắng mặt không có lời trình bày gì nên không xem xét giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y, bà Y được ly hôn với ông Bạch Thái S.

Về con chung: giao cháu Bạch Ngọc Y N, sinh ngày 04/11/2006 cho ông S nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Nguyễn Thị Kim Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bạch Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim Y khởi kiện xin ly hôn với ông Bạch Thái S, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị Kim Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với ông Bạch Thái S. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Y Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Bạch Thái S tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2010 khi bà đi làm công ty ông S thường kiếm chuyện có những lời nói khó nghe và nghi ngờ ghen tuông, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Kéo dài đến tháng 4/2021 bà dọn ra ngoài sống riêng vợ chồng ly thân từ thời gian đó, cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ. Nay bà Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông S cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ vợ chồng nên bà Y có yêu cầu được ly hôn với ông S.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà Y và ông S tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Bạch Thái S là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung cháu Bạch Duy L, sinh ngày 21/3/2003, cháu Bạch Ngọc Y N, sinh ngày 04/11/2006, cháu L đã trưởng thành, cháu N hiện đang được ông S nuôi dưỡng. Vì vậy tránh việc xáo trộn về mặt tinh thần và sinh hoạt hằng ngày của cháu N nên bà Y đồng ý để ông

S tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động sau khi vợ chồng ly hôn. Bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng.

[5] Về tài sản chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà Y khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát: là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều b, Khoản 2, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Bạch Thái S về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**. Cho bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với đối với ông Bạch Thái S.

2. Về con chung: Giao cháu Bạch Ngọc Y N, sinh ngày 04/11/2006 cho ông S nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, bà Y và ông S được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo

biên lai thu số 0006773 ngày 09/6/2021 được tính trừ vào án phí. Bà Y còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Bạch Thái S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng